

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HS-ST
Ngày 25 – 12 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Nguyễn Thái Linh
3. Ông Nguyễn Sỹ Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thành Nam là Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Hoàng Thị L; Tên gọi khác: Hoàng Thị L1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 25/6/1964; quê quán: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; con ông: Hoàng Xuân H (đã chết); con bà: Lê Thị S (đã chết); anh, chị, em ruột: Gia đình có 06 người, bị can là con thứ sáu; chồng: Phan Sỹ H1; sinh năm 1959; trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; con: Có 04 đứa, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Bị khởi tố bị can ngày 12/12/2022, bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2022 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư [Trần Đức Đ](#), sinh năm 1953 – Luật sư [Văn phòng L4](#) thuộc [Đoàn Luật sư tỉnh H](#), có mặt.

- Bị hại:

1. Ông [Đặng Văn N](#), sinh năm 1965; địa chỉ: [Khối phố V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); có mặt.

2. Ông [Nguyễn Đình H2](#), sinh năm 1963; địa chỉ: [Xóm X, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); có mặt.

3. Ông [Đậu Đình H3](#), sinh năm 1976; địa chỉ: [Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An](#); có mặt.

4. Bà [Võ Thị T](#), sinh năm 1973; địa chỉ: [K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An](#); có mặt.

5. Bà [Nguyễn Thị C](#), sinh năm 1974; địa chỉ: [Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); có mặt.

6. Bà [Lê Thị T1](#), sinh năm 1972; địa chỉ: [Tổ A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#). có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông [Ngô Tuấn A](#), sinh năm 1971; địa chỉ: [Lô A, số B T, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh](#); có mặt.

-Người làm chứng:

1. Ông [Bùi Khánh V](#), sinh năm 1973; địa chỉ: [Tổ A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); có mặt.

2. Bà [Bành Thị N1](#), sinh năm 1947; địa chỉ: [Xóm N, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

3. Bà [Nguyễn Thị H4](#), sinh năm 1970; địa chỉ: [Xóm N, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

4. Ông [Lưu Đình P](#), sinh năm 1963; địa chỉ: [Xóm N, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

5. Chị [Nguyễn Thy L2](#), sinh năm 1973; địa chỉ: [Lô A, số B T, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh](#); vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

6. Chị [Phan Thị H5](#), sinh năm 1990; địa chỉ: [Xóm N, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

7. Anh [Hoàng Năng S1](#), sinh năm 1982; địa chỉ: [Xóm A, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

8. Ông [Phan Sỹ H1](#), sinh năm 1959; địa chỉ: [Số G N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); có mặt.

9. Bà [Phan Thị Y](#), sinh năm 1987; địa chỉ: [Xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); có mặt.

10. Anh [Đặng Văn T2](#), sinh năm 1992; địa chỉ: [Số A, ngõ A đường Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

11. Chị [Nguyễn Thị Lê H6](#), sinh năm 1995; địa chỉ: [Xóm X, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.
12. Chị [Nguyễn Thị H7](#), sinh năm 1993; địa chỉ: [Thôn G, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội](#); vắng mặt.
13. Chị [Nguyễn Thị Mỹ L3](#), sinh năm 1996; địa chỉ: [Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.
14. Chị [Phan Thị Bảo Q](#), sinh năm 1992; địa chỉ: [Ngõ E, ngách C đường H, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#). có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2008, [Hoàng Thị L](#) quen biết anh [Ngô Tuấn A](#), sinh năm 1971, trú tại [phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh](#) (Đang làm Phó Giám đốc [Trung tâm Đ1](#)). Quá trình quen biết, [Hoàng Thị L](#) đã đặt vấn đề nhờ anh [Ngô Tuấn A](#) xin cho một số học sinh tốt nghiệp THPT vào học hệ trung cấp tại [Học viện Đ1](#). Sau đó, [Hoàng Thị L](#) hỏi anh [Tuấn A](#) có thể xin cho người khác vào làm việc tại các Cảng hàng không hay không thì anh [Tuấn A](#) nói là sẽ cố gắng giúp nhưng phải đủ tiêu chuẩn về chiều cao, cân nặng, ngoại ngữ,... và không cam kết, hứa hẹn với [L](#) sẽ xin được. Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc tuyển dụng nhân viên của các Cảng hàng không, không biết anh [Ngô Tuấn A](#) có giúp xin việc được hay không. Nhưng do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, nên [Hoàng Thị L](#) đã đưa ra thông tin gian dối với người khác là [L](#) có các mối quan hệ, có khả năng xin vào làm việc tại các Cảng hàng không và cam kết thời hạn, vị trí việc làm cụ thể để bị hại tin tưởng giao tiền cho [L](#) rồi chiếm đoạt của họ. Với thủ đoạn như trên, từ năm 2011 đến tháng 6/2019, [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của 06 người bị hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Nghệ An với tổng số tiền 2.605.000.000 đồng. Cụ thể:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 300.000.000 đồng của ông [Đặng Văn N](#), sinh năm 1965, trú tại [khối phố V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#):

Năm 2010, thông qua người khác, ông [Đặng Văn N](#) biết [Hoàng Thị L](#) có các mối quan hệ có thể xin việc làm. Thời điểm này, ông [N](#) có con trai là [Đặng Văn T2](#), sinh năm 1992 thi trượt Đại học nên đến gặp và nhờ [L](#) xin việc cho [T2](#). Quá trình gặp nhau, [L](#) nói với ông [N](#) là [L](#) có thể xin đi lính nghĩa vụ Công an sau đó đi học trung cấp Công an tại thành phố Hà Nội, chi phí hết 130.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin [L](#) đưa ra, ngày 15/9/2010, ông [N](#) đến nhà [L](#) ở [thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) giao cho [L](#) 130.000.000 đồng, [L](#) viết giấy nhận tiền và cam kết đến tháng 02/2011 sẽ xin cho [T2](#) đi nghĩa vụ Công an sau đó đi học Trung cấp Công an ở

thành phố Hà Nội. Khoảng 02 đến 03 tháng sau, L nói với ông N không xin cho T2 đi nghĩa vụ Công an được và nói sẽ xin cho T2 vào học trung cấp tại Học viện Đ1, ra trường đi làm tại bộ, tỉnh Nghệ An, chi phí hết 200.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin L đưa ra, ông N đồng ý và giao tiếp cho L 70.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L liên hệ nhờ anh Ngô Tuấn A xin cho T2 vào học tại Học viện Đ1, khóa học từ tháng 02/2012 đến tháng 4/2014. Tháng 7/2015, T2 tốt nghiệp, ông N yêu cầu L xin cho T2 vào bộ phận an ninh Cảng hàng không quốc tế, tỉnh Nghệ An như cam kết nhưng L nói giai đoạn này khó khăn nên phải chờ. Đến năm 2016, L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với ông N là chi phí xin việc tăng thêm 200.000.000 đồng nữa, ông N tin là thật nên đồng ý. Ngày 30/9/2016, ông N đến nhà L (thời điểm này L đã chuyển ra thuê nhà ở tại xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An) đưa cho L 200.000.000 đồng, L viết giấy nhận tiền và cam kết chậm nhất đến tháng 4/2017 sẽ xin cho T2 vào bộ phận an ninh Cảng hàng không quốc tế, tỉnh Nghệ An. Tổng số tiền L nhận của ông N từ tháng 9/2010 đến tháng 9/2016 là 400.000.000 đồng, L chuyển cho anh Ngô Tuấn A 50.000.000 đồng để cảm ơn anh Tuấn A làm thủ tục cho T2 vào học tại Học viện Đ1, 300.000.000 đồng để nhờ anh Tuấn A xin cho T2 vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế, tỉnh Nghệ An nhưng do không giúp được, nên từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2021 anh Tuấn A đã nhiều lần chuyển lại số tiền 300.000.000 đồng cho L. Sau khi anh Tuấn A chuyển lại, L không thông báo không xin được việc cho T2 và trả tiền cho ông N mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến hẹn, ông N yêu cầu trả lại tiền thì L tiếp tục viết giấy và hẹn ông N đến tháng 9/2020 rồi tháng 11/2020 sẽ xin được việc cho T2. Nhưng thực tế Liêu không có khả năng, không thực hiện được và chỉ trả lại cho ông N 20.000.000 đồng. Ông N yêu cầu L trả lại 300.000.000 đồng (do L và ông N thống nhất quá trình xin học cho T2 đã chi phí hết 80.000.000 đồng) nhưng L không trả. Như vậy, Hoàng Thị L đã lừa đảo chiếm đoạt của ông Đặng Văn N số tiền là 300.000.000 đồng. Quá trình điều tra, L đã bồi thường cho ông N 100.000.000 đồng. Hiện nay, ông N yêu cầu L bồi thường số tiền còn lại là 200.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 170.000.000 đồng của ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1963, trú tại xóm X, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An:

Năm 2014, thông qua người khác, ông Nguyễn Đình H2 quen biết và nhờ Hoàng Thị L xin cho con gái là Nguyễn Thị Lê H6 (sinh năm 1995) vào học tại Học viện Đ1, đến năm 2016 thì tốt nghiệp. Sau đó, nghe thông tin L có khả năng xin việc làm tại các Cảng hàng không nên ông H2 đến nhờ L xin việc làm cho H6. Hoàng Thị L đưa ra thông tin gian dối là L có khả năng xin cho H6 vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế, tỉnh Nghệ An, chi phí hết 550.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin L đưa ra, nên ông H2 đồng ý và đưa cho L 02 lần với tổng số tiền 550.000.000 đồng (ngày 18/11/2016 là 450.000.000 đồng, ngày 16/12/2016 là 100.000.000 đồng) và L viết giấy nhận tiền, hẹn trong tháng 7/2017 thì H6 sẽ được đi làm. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị L đã chuyển cho anh Ngô Tuấn A 400.000.000 đồng để nhờ giúp xin việc làm cho

[Nguyễn Thị Lê H6](#) nhưng do không giúp được nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2021 anh [Tuấn A](#) đã nhiều lần chuyển trả lại 400.000.000 đồng cho [L](#) và [L](#) đã sử dụng trả nợ, chi tiêu cá nhân. Đến hạn cam kết, ông [H2](#) yêu cầu Liều trả lại tiền thì [L](#) tiếp tục viết giấy hẹn đến tháng 8/2018, tháng 12/2018 và tháng 4/2019 sẽ xin được việc làm cho [H6](#). Nhưng thực tế, [L](#) không có khả năng, không thực hiện được và chỉ trả lại cho ông [H2](#) 380.000.000 đồng (tháng 10/2019 trả 100.000.000 đồng, tháng 3/2020 trả 280.000.000 đồng), [L](#) không có khả năng để trả lại 170.000.000 đồng cho ông [H2](#). Như vậy, [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của ông [Nguyễn Đình H2](#) số tiền là 170.000.000 đồng. Quá trình điều tra, [L](#) đã bồi thường cho ông [Nguyễn Đình H2](#) 50.000.000 đồng. Hiện nay, ông [H2](#) yêu cầu Liều phải bồi thường số tiền còn lại là 120.000.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 350.000.000 đồng của anh [Đậu Đình H3](#), sinh năm 1976, trú tại [thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An](#):

Khoảng tháng 5/2016, thông qua người khác, anh [Đậu Đình H3](#) quen biết [Hoàng Thị L](#). Thời điểm này, anh [H3](#) có con trai là [Đậu Đình T3](#) (sinh năm 1996) mới tốt nghiệp Cao đẳng [Công nghiệp H12](#) chưa có việc làm. Nghe thông tin [Hoàng Thị L](#) có thể xin việc làm tại các Cảng hàng không nên anh [H3](#) đến nhờ [L](#) xin việc cho [T3](#). [Hoàng Thị L](#) đưa thông tin gian dối với anh [Đậu Đình H3](#) là sẽ xin được cho [T3](#) vào làm việc tại [Cảng hàng không quốc tế](#), tỉnh Nghệ An và 02 tháng sau đi làm, chi phí hết 550.000.000 đồng. Tin tưởng [Hoàng Thị L](#), nên anh [H3](#) đồng ý và 02 lần giao cho [L](#) với tổng số tiền 550.000.000 đồng (ngày 28/5/2016 là 300.000.000 đồng, ngày 04/8/2017 là 250.000.000 đồng) và [L](#) viết giấy nhận tiền, cam kết trong năm 2017 sẽ xin cho [T3](#) vào làm việc tại [bộ](#), tỉnh Nghệ An. Sau đó, [Hoàng Thị L](#) chuyển cho anh [Ngô Tuấn A](#) 200.000.000 đồng để nhờ anh [Tuấn A](#) giúp xin việc làm nhưng do không xin được cho [T3](#) nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2021 anh [Tuấn A](#) đã nhiều lần chuyển trả lại cho [L](#) đầy đủ số tiền 200.000.000 đồng và [L](#) đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân, đến hạn anh [H3](#) yêu cầu [L](#) thực hiện cam kết hoặc trả lại tiền thì tiếp tục viết giấy hẹn đến tháng 4/2019 sẽ xin được việc làm cho [T3](#) nhưng thực tế Liều không có khả năng, không thực hiện được. Sau đó, anh [Đậu Đình H3](#) nhiều lần yêu cầu Liều trả lại tiền, nên tháng 4/2020 [L](#) trả cho anh [H3](#) số tiền 200.000.000 đồng, còn 350.000.000 đồng Liều không có khả năng trả lại. Như vậy, [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của anh [Đậu Đình H3](#) số tiền là 350.000.000 đồng. Quá trình điều tra, [L](#) đã bồi thường cho anh [H3](#) 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh [Đậu Đình H3](#) yêu cầu [Hoàng Thị L](#) bồi thường số tiền còn lại là 200.000.000 đồng.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 650.000.000 đồng của chị [Võ Thị T](#), sinh năm 1973, trú tại [khối A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An](#):

Năm 2017, thông qua người khác, chị [Võ Thị T](#) biết [Hoàng Thị L](#) có thể xin việc làm tại Cảng hàng không nên đến nhờ [L](#) xin cho con gái là [Nguyễn Thị Mỹ L3](#) (sinh năm 1996) vào làm việc tại [Cảng hàng không quốc tế](#), tỉnh Nghệ An. [Hoàng Thị L](#) đưa ra thông tin gian dối với chị [T](#) là sẽ xin được cho [L3](#) vào bộ phận thủ tục

hoặc an ninh của [Cảng hàng không quốc tế](#). Tin tưởng [Hoàng Thị L](#), nên ngày 21/01/2018 chị [T](#) đến nhà đưa cho [L](#) 330.000.000 đồng, [L](#) nhận tiền và viết giấy hẹn đến tháng 7/2018 thì [L3](#) sẽ được đi làm. Số tiền này, [L](#) dùng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến hẹn, [L3](#) không được đi làm, chị [T](#) hỏi thì [L](#) tiếp tục viết giấy hẹn đến tháng 3/2019 sẽ xin được việc làm cho [L3](#). Đến tháng 6/2019, [Hoàng Thị L](#) đưa ra thông tin gian dối với chị [T](#) là sắp có quyết định đi làm nhưng phải đưa nốt số tiền 300.000.000 đồng còn lại thì mới được nhận quyết định. Tin tưởng [Hoàng Thị L](#), nên ngày 27/6/2019 chị [T](#) tiếp tục đưa cho [L](#) 300.000.000 đồng, [L](#) viết giấy nhận tiền và hứa hẹn đến 10/7/2019 thì [L3](#) sẽ được đi làm. Số tiền này, [L](#) dùng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến hẹn [L3](#) vẫn không được đi làm, chị [T](#) hỏi thì [L](#) cho [L3](#) số điện thoại của anh [Ngô Tuấn A](#) và cho anh [Tuấn A](#) số điện thoại của [L3](#) để nhờ anh [Tuấn A](#) liên lạc với [L3](#), nói với gia đình [L3](#) là đang xin việc cho [L3](#) để gia đình chị [T](#) yên tâm, không gây áp lực với [L](#) nhưng thực tế Liêu không có khả năng và không thực hiện được như cam kết. Sau khi chờ đợi một thời gian dài không được, chị [T](#) yêu cầu Liêu trả lại tiền nhưng [L](#) không có khả năng để trả. Như vậy, [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của chị [Võ Thị T](#) số tiền là 650.000.000 đồng. Từ năm 2020 - 2021, nhờ gia đình hỗ trợ và tích góp từ số tiền anh [Ngô Tuấn A2](#) chuyển lại, [Hoàng Thị L](#) trả cho chị [Võ Thị T](#) 03 lần với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Quá trình điều tra, [Hoàng Thị L](#) đã bồi thường cho chị [Võ Thị T](#) 50.000.000 đồng, hiện nay chị [T](#) yêu cầu [L](#) bồi thường số tiền còn lại là 100.000.000 đồng.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 600.000.000 đồng của chị [Nguyễn Thị C](#), sinh năm 1974, trú tại [Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#):

Thông qua người khác, chị [Nguyễn Thị C](#) biết [Hoàng Thị L](#) có thể xin việc làm tại [C](#) hàng không, nên khoảng tháng 01/2018 chị [Nguyễn Thị C](#) đã đến nhờ [L](#) xin cho con trai là [Đặng Như H8](#) (sinh năm 1991) vào làm việc tại [Cảng hàng không quốc tế](#), tỉnh Nghệ An. [Hoàng Thị L](#) đưa ra thông tin gian dối với chị [C](#) là sẽ xin được cho [H8](#) vào làm việc tại bộ phận An ninh soi chiếu Cảng hàng không quốc tế [V1](#), chi phí hết 600.000.000 đồng. Tin tưởng [Hoàng Thị L](#) nên đầu tháng 01/2018 chị [C](#) đưa cho [L](#) 200.000.000 đồng và ngày 09/01/2018 chị [C](#) tiếp tục đưa cho [L](#) 400.000.000 đồng. [Hoàng Thị L](#) viết giấy nhận tiền và hẹn đến tháng 10/2018 thì [H8](#) sẽ được đi làm. Tổng số tiền [L](#) nhận của chị [C](#) là 600.000.000 đồng, [L](#) sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến hẹn, [H8](#) không được đi làm, chị [C](#) hỏi thì [L](#) tiếp tục viết giấy hẹn đến tháng 10/2019 sẽ xin được việc cho [H8](#) nếu không sẽ trả lại tiền nhưng thực tế Liêu không có khả năng, không thực hiện được. Như vậy, [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của chị [Nguyễn Thị C](#) tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Sau khi chị [C](#) yêu cầu nhiều lần, nhờ gia đình hỗ trợ và số tiền anh [Tuấn A](#) chuyển lại, [L](#) trả cho chị [C](#) 410.000.000 đồng. Quá trình điều tra, [L](#) đã bồi thường cho chị [C](#) 50.000.000 đồng, hiện nay chị [C](#) yêu cầu [L](#) bồi thường số tiền còn lại là 140.000.000 đồng.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 535.000.000 đồng của chị [Lê Thị T1](#), sinh năm 1972, trú tại [Tổ A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#):

Chị [Lê Thị T1](#) quen biết với [Hoàng Thị L](#) vào khoảng tháng 8/2018, thông qua anh [Bùi Khánh V](#), sinh năm 1973, trú tại [thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) (em trai cùng mẹ khác cha với chồng của [L](#)). Thời điểm này, chị [T1](#) có con gái là [Nguyễn Thị H7](#) (sinh năm 1993) vừa tốt nghiệp Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội nhưng chưa có việc làm. Nghe thông tin [Hoàng Thị L](#) có thể xin việc làm tại Cảng hàng không nên chị [T1](#) đến nhờ [L](#) xin cho [H7](#) vào bộ phận thủ tục hoặc an ninh Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, [Hoàng Thị L](#) đồng ý và hẹn trước Tết âm lịch năm 2018 thì [H7](#) sẽ được đi làm, chi phí hết 520.000.000 đồng. Tin tưởng [Hoàng Thị L](#), nên ngày 09/8/2018 chị [T1](#) đã đến nhà anh [Bùi Khánh V](#) giao cho [L](#) số tiền 320.000.000 đồng, [L](#) viết giấy nhận tiền và cam kết trước Tết âm lịch năm 2018 (tức cuối năm 2018, đầu năm 2019) sẽ xin được việc làm cho [H7](#). Sau khi nhận tiền, [L](#) sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tháng 11/2018, anh [Ngô Tuấn A](#) thông báo cho [L](#) biết [Cảng hàng không quốc tế Đ2](#) đang tuyển bộ phận an ninh nên [L](#) thông báo cho chị [T1](#) biết và hỏi chị [T1](#) có đồng ý chuyển sang xin cho [H7](#) vào [Cảng hàng không quốc tế Đ3](#) không thì chị [T1](#) đồng ý. [Hoàng Thị L](#) yêu cầu chị [Lê Thị T1](#) đưa thêm 200.000.000 đồng, nên chị [T1](#) đưa cho [Nguyễn Thị H7](#) 200.000.000 đồng để chuyển vào tài khoản số 52210000045069 tại [Ngân hàng B](#) cho [L](#). Ngày 12/11/2018, [L](#) chuyển 200.000.000 đồng cho anh [Tuấn A](#) nhờ xin cho [H7](#) vào Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng nhưng sau đó [H7](#) không đủ chiều cao và bị loại, nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2021 anh [Tuấn A](#) đã nhiều lần chuyển lại 200.000.000 đồng cho [L](#) và [L](#) đã sử dụng để trả nợ, chi tiêu cá nhân. Đến tháng 3/2019, mặc dù thời điểm này anh [Ngô Tuấn A](#) đã không giúp được do [H9](#) không đủ chiều cao nhưng [L](#) vẫn đưa ra thông tin gian dối với chị [T1](#) là phải đưa thêm 15.000.000 đồng để làm chứng chỉ tiếng Anh cho [H7](#). Tin tưởng thông tin [L](#) đưa ra là thật, nên chị [T1](#) tiếp tục đưa cho [Nguyễn Thị H7](#) 15.000.000 đồng để chuyển vào tài khoản số 52210000045069 tại [Ngân hàng B](#) cho [L](#). Số tiền này [L](#) dùng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến hẹn, [H7](#) không được đi làm, chị [T1](#) nhiều lần yêu cầu [L](#) trả lại tiền nhưng [L](#) không có khả năng để trả lại. Như vậy, [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của chị [Lê Thị T1](#) tổng số tiền là 535.000.000 đồng. Quá trình điều tra, [L](#) đã bồi thường cho chị [T1](#) 160.000.000 đồng, hiện nay chị [T1](#) yêu cầu [L](#) bồi thường số tiền còn lại là 375.000.000 đồng.

Như vậy [Hoàng Thị L](#) với thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin có thể xin cho người khác vào làm tại các cảng hàng không. Từ năm 2011 đến tháng 06/2019, [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của 06 bị hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Nghệ An với tổng số tiền 2.605.000.000 đồng, gồm: Ông [Đặng Văn N](#), trú tại [khôi phố V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 300.000.000 đồng; ông [Nguyễn Đình H10](#), trú tại [xóm X, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 170.000.000 đồng; anh [Đậu Đình H3](#), trú tại [thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 350.000.000 đồng; chị [Võ Thị T](#), trú tại [khôi A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 650.000.000 đồng; chị [Nguyễn Thị C](#), trú tại [xã L, huyện Đ, tỉnh](#)

Hà Tĩnh số tiền 600.000.000 đồng và chị Lê Thị T1, trú tại Tổ A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 535.000.000 đồng.

* Vật chứng đã thu giữ và xử lý:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Hoàng Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen. Chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định pháp luật.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKS-P2 ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Hoàng Thị L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

a) Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 12 năm tù đến 13 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo (ngày 22/12/2022).

b) Về dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Hoàng Thị L bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho ông Đặng Văn N số tiền 200.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Đình H2 số tiền 120.000.000 đồng; bồi thường cho anh Đâu Đình H3 số tiền 200.000.000 đồng; bồi thường cho chị Võ Thị T số tiền 100.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị C số tiền 140.000.000 đồng; bồi thường cho chị Lê Thị T1 số tiền 375.000.000 đồng

c) Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số sê-ri 355216057368972.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 29/9/2023 Toà án tiến hành xét xử lần thứ nhất. Qua quá trình thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa người nhà bị cáo giao nộp file ghi âm giữa bị cáo và [Ngô Tuấn A](#), nhận thấy hành vi của [Ngô Tuấn A](#) có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo [Hoàng Thị L](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hội đồng xét xử nghị án và ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 03/2023/HSST-QĐ ngày 29/9/2023. Quá trình trả hồ sơ điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không điều tra, khởi tố, truy tố hành vi của [Ngô Tuấn A](#) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử trong phạm vi Viện kiểm sát truy tố.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra [Công an tỉnh H](#), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của người này phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa cũng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng trong vụ án.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo [Hoàng Thị L](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai phạm tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp lời khai có tại hồ sơ, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhân, nên trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến tháng 06/2019, [Hoàng Thị L](#) đã đưa ra các thông tin gian dối có thể xin cho người khác vào làm việc tại các cảng hàng không để chiếm đoạt của 06 người trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An với tổng số tiền 2.605.000.000 đồng, gồm: Ông [Đặng Văn N](#), trú tại [khô V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 300.000.000 đồng; ông [Nguyễn Đình H10](#), trú tại [xóm X, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 170.000.000 đồng; anh [Đậu Đình H3](#), trú tại [thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 350.000.000 đồng; chị [Võ Thị T](#), trú tại [khối A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An](#) số tiền 650.000.000 đồng; chị [Nguyễn Thị C](#), trú tại [xã L,](#)

[huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#) số tiền 600.000.000 đồng và chị [Lê Thị T1](#), trú tại [tổ A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) số tiền 535.000.000 đồng.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin sai sự thật để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 06 bị hại với số tiền 2.605.000.000 đồng của [Hoàng Thị L](#) đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Vì vậy Cáo trạng số 103/CT-VKS-P2 ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo [Hoàng Thị L](#) về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo [L](#) là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại nặng nề về kinh tế đối với các bị hại, đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[2.3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự nguyện khắc phục hậu quả (Bồi thường 1.410.000.000 đồng/2.605.000.000 đồng; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có anh trai là ông [Hoàng Xuân T4](#) là Liệt sỹ, có chị gái (bà [Hoàng Thị H11](#)) và chồng (ông [Phan Sỹ H1](#)) là thương binh, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3] Về những nội dung, hành vi có liên quan trong vụ án:

[3.1] Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm lần 01 ngày 29/9/2023 và phiên toà ngày hôm nay, bị cáo [Hoàng Thị L](#) khai qua quen biết và đặt vấn đề nhờ anh [Ngô Tuấn A](#) (khi đó đang là Phó Giám đốc Trung tâm đào tạo nghiệp vụ hàng không, [Học viện Đ1](#)) giúp đỡ trong quá trình xin cho người khác vào làm việc trong ngành hàng không. Mỗi lần bị cáo nhận xin việc cho người khác đều gọi điện báo và chuyển một khoản tiền cho [Ngô Tuấn A](#). Trong thời gian từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2018, Bị cáo [Hoàng Thị L](#) chuyển cho [Ngô Tuấn A](#) số tiền 2.760.000.000 đồng (trong đó có 1.100.000.000 đồng là tiền công [L](#) chuyển cho [Tuấn A](#) để xin việc làm cho con của 04 bị hại ([N](#), [H10](#), [H3](#), [T1](#))). Sau khi không giúp được bị cáo [L](#) xin việc cho 04 trường hợp nêu trên, từ tháng 11/2018 đến

tháng 6/2021, [Ngô Tuấn A](#) đã chuyển trả lại cho bị cáo số tiền 1.100.000.000 đồng và một phần tiền để trả nợ cho bị cáo, do [Ngô Tuấn A](#) vay mượn trước đó, tổng cộng là 1.703.000.000 đồng. Đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của [Ngô Tuấn A](#).

[3.2] Căn cứ kết quả điều tra và tại phiên tòa [Hoàng Thị L](#) còn khai nhận tiền và hứa hẹn xin việc cho chị [Phan Thị H5](#), sinh năm 1990, trú tại [xóm N, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#) và anh [Hoàng Năng S1](#), sinh năm 1904, trú tại [xóm A, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#). Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc nhưng những người này không thừa nhận đưa tiền cho [L](#) nhờ xin việc làm, không tố cáo [L](#) lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, không có cơ sở kết luận về hành vi này là có căn cứ.

[3.3] Ngoài ra bị cáo [L](#) khai từ năm 2015, bị cáo vay tiền của chị [Nguyễn Thị H4](#) (sinh năm 1970) và bà [Bành Thị N1](#) (sinh năm 1947) đều trú tại [xóm N, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#) và trả lãi suất từ 2.000 đồng - 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không đủ căn cứ kết luận nên không có cơ sở để xem xét về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của chị [Nguyễn Thị H4](#) và bà [Bành Thị N1](#) là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo [Hoàng Thị L](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của 06 bị hại, với tổng số tiền 2.605.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm lẻ năm triệu đồng), đến thời điểm xét xử lần 02 bị cáo đã bồi thường cho các bị hại 1.410.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm mười triệu đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo [Hoàng Thị L](#) có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại đã chiếm đoạt từ các bị hại cụ thể: Bồi thường cho ông [Đặng Văn N](#) số tiền 200.000.000 đồng; bồi thường cho ông [Nguyễn Đình H2](#) số tiền 120.000.000 đồng; bồi thường cho anh [Đậu Đình H3](#) số tiền 200.000.000 đồng; bồi thường cho chị [Võ Thị T](#) số tiền 100.000.000 đồng; bồi thường cho chị [Nguyễn Thị C](#) số tiền 140.000.000 đồng; bồi thường cho chị [Lê Thị T1](#) số tiền 375.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số sê-ri 355216057368972.

[6] Về án phí: Bị cáo [Hoàng Thị L](#) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, Điều 585, 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21, Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo [Hoàng Thị L](#) phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo [Hoàng Thị L](#) 12 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo [Hoàng Thị L](#) có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại số tiền 1.135.000.000 đồng (một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng), cụ thể như sau: Bồi thường cho ông [Đặng Văn N](#) số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); bồi thường cho ông [Nguyễn Đình H2](#) số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng); bồi thường cho anh [Đậu Đình H3](#) số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); bồi thường cho chị [Nguyễn Thị C](#) số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng); bồi thường cho chị [Lê Thị T1](#) số tiền 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), bồi thường cho chị [Võ Thị T](#) 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số sê - ri 355216057368972.

(Tài sản trên được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng số 78/2023 ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra [Công an tỉnh H](#) với Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

4. Về án phí: Buộc bị cáo [Hoàng Thị L](#) phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 46.050.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự bồi thường.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh
- Phòng PV06 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng LLTP Sở tư pháp;
- Bị cáo; bị hại
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- THAHS TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền